



C. PHIẾU BÀI TẬP

Bài 1. Cho $X = \{1; 5\}$, $Y = \{1; 3; 5\}$. Tập $X \cap Y$ là

- A) $\{1\}$.
- B) $\{1; 3\}$.
- C) $\{1; 3; 5\}$.
- D) $\{1; 5\}$.

Bài 2. Cho $A = (-\infty; -2]$, $B = [3; +\infty)$, $C = (0; 4)$. Tìm $(A \cup B) \cap C$.

- A) $[3; 4]$.
- B) $(-\infty; -2) \cup [3; +\infty)$.
- C) $[3; 4)$.
- D) $(-\infty; -2] \cup [3; +\infty)$.

Bài 3. Cho hai tập khác rỗng A, B thỏa $A \subset B$. Mệnh đề nào sai?

- A) $A \setminus B = \emptyset$.
- B) $A \cap B = A$.
- C) $B \setminus A = B$.
- D) $A \cup B = B$.

Bài 4. Cho $A = \{0; 1\}$, $B = \{0; 1; 2; 3; 4\}$. Số tập X thỏa $X \subset C_B A$ là

- A) 3.
- B) 5.
- C) 6.
- D) 8.

Bài 5. (Bẫy) Cho ba tập A, B, C . Mệnh đề nào sai?

- A) $A \subset B \Rightarrow A \cap C \subset B \cap C$.
- B) $A \subset B \Rightarrow C \setminus A \subset C \setminus B$.
- C) $A \subset B \Rightarrow A \cup C \subset B \cup C$.
- D) $A \subset B$ và $B \subset C \Rightarrow A \subset C$.

Bài 6. Cho $A = \{x \in \mathbb{R} \mid x + 3 < 4 + 2x\}$, $B = \{x \in \mathbb{R} \mid 5x - 3 < 4x - 1\}$. Các số tự nhiên thuộc cả A và B là

- A) 0 và 1.
- B) 1.
- C) 0.
- D) Không có.

Bài 7. Cho $a < b < c < d$. Khẳng định nào đúng?

- A) $(a; c) \cap (b; d) = (b; c)$.
- B) $(a; c) \cap (b; d) = [b; c]$.
- C) $(a; c) \cap [b; d] = [b; c]$.
- D) $(a; c) \cup (b; d) = (b; d)$.

Bài 8. Cho $A = \{-2; -1; 0; 1; 2\}$, $B = \{-2; 0; 2; 4\}$. Xét tính đúng, sai (ghi Đ/S):

a) $A \cap B = \{-2; 0; 2\}$. b) $A \cup B = \{-2; -1; 1; 2; 4\}$. c) $A \setminus B = \{-1; 1\}$. d) $B \setminus A = \{4\}$.

Bài 9. Cho $A = \{0; 1; 2; 3; 4; 5; a; c\}$, $B = \{-2; 1; 3; 4; 6; a; b; c\}$. Xét tính đúng, sai (ghi Đ/S):



a) $A \cup B = \{-2; 0; 1; 2; 3; 4; a; b; c\}$. b) $A \cap B = \{1; 3; 4; a; c\}$. c) $A \setminus B = \{0; 2; 5\}$. d) $B \setminus A = \{6; b\}$.

Bài 10. Có 7 vận động viên đều đăng kí ít nhất một trong hai môn bóng bàn, cầu lông; kết quả có 4 người đăng kí bóng bàn, 5 người đăng kí cầu lông. Hỏi có bao nhiêu người *chỉ* đăng kí môn cầu lông?